

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAM RÔNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Số: 11/2022/DSST

Ngày: 30/6/2022

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAM RÔNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Hoàng Rung K’Nhon**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông: **Nguyễn Văn Thu**
- Bà: **Bùi Thị Là**
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Hoàng Thị Thanh** – Cán bộ

Tòa án

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thanh Tuyền** – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 30 tháng 6 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng mở phiên Tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số: 17/2019/TLST - DS ngày 28 tháng 5 năm 2020 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST – DS ngày 01 tháng 6 năm 2022 giữa các bên đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ánh T**, Sinh năm: 1960

Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Công ty TNHH L

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn Q**; Sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn P**; Sinh năm: 1990

Địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Mai Huy C**, Sinh năm: 1956

Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

2. Bà: **Nguyễn Thị Kim P**, Sinh năm 1960

Địa chỉ: Số 72 đường T, phường 8, TP Đ, Lâm Đồng.

3. Vợ chồng ông **Nguyễn Thanh H**: Sinh năm 1971 và bà **Nguyễn Thị T**: Sinh năm 1971

Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng

4. Vợ chồng ông **Vũ Xuân T** và bà **Nguyễn Thị H**

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Đ, Lâm Đồng

5. Vợ chồng ông **Đinh Xuân L**, bà **Phan Thị Minh T**

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

6. Vợ chồng ông **Nguyễn Văn B**, bà **Phí Thị C**

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

6. Ông **Lê Quang Đ**. Sinh năm: 1960

Hộ khẩu thường trú: 61/1 Vạn H, phường 8, TP Đ, tỉnh Lâm đồng.

Ông **Nguyễn Văn H**.

Hộ khẩu thường trú: 21B P– Phường X – TP Đ.

Tất cả đều xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và ý kiến trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay thì:** Vào năm 2013 bà có sang nhượng lại 01 lô đất khoảng 800m² tại thôn T, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng của vợ chồng ông Nguyễn Thanh H – bà Nguyễn Thị T trú tại thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Khi sang nhượng hai bên có viết giấy tay với nhau nhưng không có xác nhận của chính quyền địa phương, chỉ có 01 biên bản kiểm tra hộ cá nhân đang sử dụng đất trong khu vực tại xã P ngày 17/11/1995 thì có chính quyền địa phương ký xác nhận. Lô đất, có chiều ngang mặt đường là 20m, chiều sâu từ mép đường đi vào là 40m; có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp đất ông Q;

Phía Tây giáp đất ông T; (Sau này là ông B)

Phía Nam giáp đường liên thôn;

Phía Bắc giáp đất ông L.

Khi mua đất thì vợ chồng ông bà cùng ông H và cô N – cháu ông H ra thực địa chỉ ranh giới, cột mốc cụ thể. Lúc này phát hiện ông Q lấn chiếm đất thì bà có gặp và nói chuyện với ông Q nhưng ông Q không đồng ý thương lượng với bà. Lúc bấy giờ có bố ruột của ông Q ở đó có nói với bà là chỉ làm chuồng bò tạm đến khi nào đo đạc cụ thể thì tính sau. Khi đó bà không báo cho chính quyền địa phương, vì bà thực hiện giao dịch mua bán với ông H và ông H cũng chỉ thông báo cho bà biết việc ông Q xây nhà lấn chiếm đất của ông H.

Sau khi mua đất bà đã tiến hành trồng cây ăn trái các loại vào năm 2013, 2014, 2017 nhưng vì đất đòi khô cằn, thiếu nước nên cây không phát triển được. Đến năm, 2018 khi bà yêu cầu cơ quan có thẩm quyền đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng do phát sinh tranh chấp với ông Q nên bị tạm ngưng. Bà có yêu cầu ông Q ký phần giáp ranh không tranh chấp để bà làm thủ tục xin cấp đất, nhưng ông Q không đồng ý nên bà yêu cầu cơ quan chuyên môn đo đạc diện tích đất tranh chấp với ông Q. Qua đo đạc chỉ ranh mốc cụ thể của hai bên tại bản đồ hiện trạng ngày 12/10/2020 thì diện tích đất tranh chấp chiều ngang giáp mặt đường là 14,44m, chiều sâu là 37,92m tiếp giáp đất ông L. Tổng diện tích đất tranh chấp là

Nay, bà yêu cầu ông Q phải tháo dỡ một phần căn nhà và công trình mà ông Q đã xây lấn sang phần đất của bà đồng thời yêu cầu ông Q phải trả lại cho bà diện tích đất đã lấn chiếm. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì thêm.

*** Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai và ý kiến trình bày của bị đơn cũng như người đại diện theo pháp luật của bị đơn tại phiên tòa hôm nay thì:** Về diện tích đất mà Công ty TNHH L đang làm xưởng chế biến gỗ là diện tích đất thuê lại của UBND huyện Đam Rông. Sau khi làm thủ tục thuê đất thì ngày 16/10/2008, Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH L. Thời hạn thuê đất là 50 năm đến ngày 28/5/2058. Sau khi được cấp đất thì ông có san ủi mặt bằng và xây dựng xưởng chế biến gỗ và văn phòng nhà xưởng theo giấy phép xây dựng năm 2011 và gia hạn vào năm 2012. Tại thời điểm thuê đất và giao mặt bằng, có sự tham gia của cán bộ thuộc cơ quan chuyên môn gồm địa chính xã (ông H) và cán bộ phòng kinh tế hạ tầng huyện xuống lập biên bản giao cắm mốc, vị trí cụ thể. Sau khi được giao đất xong thì ông sử dụng đúng diện tích được cấp cũng xây dựng văn phòng công ty làm nơi ở, nhà xưởng đúng vị trí và mốc giới được giao, Trong quá trình xây dựng nhà xưởng, trụ sở làm việc phía Công ty TNHH L không lấn chiếm của bà T. Vì vậy phía Công ty TNHH L không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

***Theo đơn trình bày ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim P:** Bà hoàn toàn thống nhất với ý kiến trình bày của chồng bà là ông Q. Ngoài ra bà không có ý kiến trình bày gì thêm.

***Theo đơn trình bày ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ngày 09/12/2020 của vợ chồng ông Nguyễn Thanh H – bà Nguyễn Thị T:** Năm 1995 gia đình ông bà có khai phá 01 lô đất với diện tích là khoảng 800 m², sau một thời gian sử dụng thì gia đình ông bà chuyển về Thị trấn Đ sinh sống, nên không có nhu cầu sử dụng đất này nữa. 2013 vợ chồng bà có nhờ cháu gái là chị Phan Thị Kim N xem có ai cần thì bán hộ cho ông bà, sau đó có bà Nguyễn Thị Ánh T hỏi mua, nên chị N có báo cho vợ chồng ông bà biết, ông bà có vào cùng chị N, chỉ ranh và nhờ Chị N viết giấy sang nhượng cho bà T, sau khi thỏa thuận sang nhượng, bà T đã thanh toán đủ số tiền cho vợ chồng ông bà và vợ chồng ông bà đã giao đất cho bà T sử dụng. Dện tích đất vợ chồng bà sang nhượng cho bà T có chiều ngang mặt dọc theo mặt đường liên thôn là 20m, chiều sâu tính từ mép đường là 40m tọa lạc tại thôn T, xã P, huyện Đ. Nay bà T và Công ty TNHH L người đại diện là ông Q tranh chấp với nhau thì ông bà có ý kiến như sau: Phần diện tích đất bà T và Công ty TNHH L tranh chấp với nhau có 01 phần là diện tích đất vợ chồng ông bà sang nhượng cho bà T trước đây, vì vậy ông bà đề nghị Công ty TNHH L tháo dỡ phần công trình xây lấn và giao trả lại phần diện tích đất lấn chiếm cho bà T. Ngoài ra ông bà không còn ý kiến hay yêu cầu gì khác.

***Theo đơn trình bày ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Kim N:** Do quen biết nên vợ chồng ông H – bà T có nhờ bà bán 01 lô đất tại Thôn T, xã P cho bà Nguyễn Thị Ánh T. Lô đất có chiều ngang mặt đường là 20m, chiều sâu 40m. Khi bán có viết giấy tay, không có xác nhận của chính quyền địa phương, giá bán là 70.000.000 đồng. Khi bán, bà cùng chủ đất là ông H và bà T có ra thực địa chỉ ranh mốc cụ thể. Nay bà T tranh chấp đất với ông Q thì bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra bà không có ý kiến gì thêm.

***Theo đơn trình bày ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Nguyễn Văn B– bà Phí Thị C:** Gia đình vợ chồng ông bà có lô đất giáp ranh đất của bà Nguyễn Thị Ánh T. Theo họa đồ trích đo thì ranh bà T có lấn qua đất của ông bà. Tuy nhiên, ông bà và bà T tự thỏa thuận được với nhau nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Đối với việc bà T ranh chấp và khởi kiện ông Q thì ông bà không có ý kiến hay yêu cầu gì.

***Theo đơn trình bày ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Đinh Xuân L – bà Phan Thị Minh T:** Gia đình ông bà có 01 lô đất giáp xưởng gỗ của Công ty TNHH L. Quá trình hai bên sử dụng ổn định, không có tranh chấp gì. Vợ chồng ông bà không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với việc bà T khởi kiện ông Q.

***Theo đơn trình bày ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Vũ Xuân T – bà Nguyễn Thị H:** Gia đình ông bà có 01 lô đất giáp xưởng gỗ của Công ty TNHH L. Quá trình hai bên sử dụng ổn định, không có tranh chấp gì. Vợ chồng ông bà không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với việc bà T khởi kiện ông Q.

Ông Nguyễn Quang Đ trình bày: năm 2008 ông có góp vốn để thành lập Công ty TNHH L, nên ông là thành viên của công ty, ông Q là người được đề cử làm giám đốc công ty và điều hành mọi hoạt động của công ty, sau khi thành lập Công ty có xây dựng nhà xưởng, văn phòng làm việc, việc xây dựng như thế nào, có lấn chiếm đất của bà T hay không thì ông hoàn toàn không được biết, nay bà T khởi kiện Công ty TNHH L lấn chiếm đất đai, thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Người đại diện UBND xã P ông Trần Đình S. Chức vụ Chủ tịch trình bày: Việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà T và Công ty TNHH L thì không có liên quan đến UBND xã Phi Liêng, nên UBND xã không ý kiến gì, còn phần diện tích đất hoang do UBND xã P quản lý, hiện nay Công ty TNHH L lấn chiếm xây dựng một phần nhà làm việc thì UBND xã đề nghị Công ty TNHH L phải tự tháo dỡ để giao trả lại đất cho UBND P tiếp tục quản lý. Ngoài ra không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tòa án đã tiến hành hòa giải, nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng thời đồng ý hỗ trợ cho Công ty TNHH L số tiền tháo dỡ công trình là 100.000.000đ. Bị đơn vắng mặt không có lý do, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, còn vắng mặt nhiều lần gây kéo dài thời hạn giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án và đường lối xử lý vụ án: Qua xem xét đánh giá tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay thì thấy rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T và yêu cầu của UBND xã P là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã P. Buộc Công ty TNHH L phải tháo dỡ nhà làm việc, công trình phụ, giao trả lại diện tích đất lấn chiếm cho nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc hỗ trợ 100.000.000đ tiền tháo dỡ nhà và công trình cho Công ty TNHH L.

Về án phí và Chi phí Tố tụng buộc các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu xem xét các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm định tại tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xuất phát từ việc bà T cho rằng công ty TNHH L, người đại diện là ông Nguyễn Văn Q lấn chiếm diện tích đất của bà. Phía Công ty TNHH L người đại diện là ông Q cho rằng Công ty TNHH L không lấn chiếm đất của bà T, nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, từ đó hai bên phát sinh tranh chấp. Bà T làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Đam Rông. Căn cứ theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Hội đồng xét xử xác định đây là vụ kiện tranh chấp về quyền sử dụng đất. Diện tích đất mà các bên tranh chấp chưa được cơ quan nhà nước cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vị trí lô đất các bên tranh chấp tọa lạc tại thôn T – P – Đ – Lâm Đồng. Căn cứ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm b khoản 2 Điều 203 Luật Đất Đai năm 2013 thì Hội đồng xét xử xác định đây là vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông.

[2] Về nội dung vụ án và yêu cầu của các bên tranh chấp:

Theo họa đồ trích đo ngày 25/8/2021, do Công ty TNHH A trích đo thể hiện thì diện tích đất mà Công ty TNHH L đang quản lý sử dụng có diện tích là 3.153,9 m², nhưng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND tỉnh Lâm Đồng cấp quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH L vào ngày 16/10/2008 thì diện tích đất UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH L để làm nhà xưởng chế biến gỗ là 2.460 m², thuộc thửa 460, tờ bản đồ 11, như vậy so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp và diện tích đất thực tế mà công ty TNHH L đang quản lý sử dụng còn thừa ra là 693,9 m², cũng theo họa đồ trích đo thể hiện thì diện tích đất này thuộc một phần thửa số 40, tờ bản đồ số 11, không nằm trong phần diện tích đất được cấp cho Công ty TNHH L. Điều này có cơ sở xác định trong quá trình sử dụng diện tích đất được cấp Công ty TNHH L đã lấn chiếm diện tích đất thuộc một phần thửa số 40, tờ bản đồ số 11, với diện tích lấn chiếm

là 693,9 m². Theo kết quả xác minh thực tế tại UBND xã P và kết quả xác minh thẩm định tại chỗ thì phần diện tích đất 693,9 m² mà Công ty TNHH L lấn chiếm này có 110 mét là diện tích đất thuộc hành lang đường bộ, 121,5 m² là diện tích đất công do UBND xã P được giao quản lý, trong số 121,5 diện tích này thì Công ty TNHH L đã xây nhà làm việc là 85m²; 397,9 là diện tích đất do bà T quản lý sử dụng, trong số diện tích đất 397,6 m² mà bà T sử dụng thì có 204,2 m² Công ty TNHH L lấn chiếm xây dựng nhà làm việc, và công trình phụ. Theo kết quả xác minh thực tế về nguồn gốc diện tích đất bà T đang quản lý sử dụng có nguồn gốc là do vợ chồng ông H, bà T khai phá và sử dụng từ trước năm 1995 và được UBND xã P lập biên bản kiểm kê hộ gia đình sử dụng đất để làm cơ sở cấp quyền sử dụng đất, đến năm 2013 do không có nhu cầu sử dụng nữa nên đã sang nhượng lại cho bà T, việc sang nhượng đất gia vợ chồng ông H, bà T, với bà T tuy có vi phạm về hình thức, nhưng quá trình thực hiện hợp đồng bà T đã thanh toán toàn bộ số tiền cho vợ chồng ông H, vợ chồng ông H đã giao đất cho bà T, bản thân bà T cũng đã trồng một số cây ăn trái, đến nay hai bên không có tranh chấp gì về hợp đồng chuyển nhượng, nên xác định phần diện tích đất 397,9 m² trong đó có 204,2 m² đất tranh chấp với công ty TNHH L là diện tích đất thuộc quyền quản lý sử dụng của bà Nguyễn Thị Ánh T.

Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị Ánh T yêu cầu Công ty TNHH L mà người đại diện là ông Nguyễn Văn Q tháo dỡ căn nhà làm việc, công trình phụ xây lấn trên phần diện tích đất của bà T, đồng thời bà T tự nguyện xin hỗ trợ cho Công ty TNHH L 100.000.000đ tiền tháo dỡ di dời công trình. Xét thấy yêu cầu của bà T là hoàn toàn có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, buộc Công ty TNHH L phải tự tháo dỡ, di dời căn nhà làm việc và công trình phụ trên phần đất lấn chiếm để giao trả lại 204,2 m² đất cho bà T, đồng thời Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ 100.000.000đ của bà T đối với Công ty TNHH L.

Đối với phần đất 212,5 m² trong đó có 85,2 m² mà công ty TNHH L xây dựng nhà làm việc, đây là diện tích đất công do UBND xã P quản lý, người đại diện theo pháp luật là ông Trần Đình S, Chủ tịch UBND xã P yêu cầu Công ty TNHH L tháo dỡ toàn bộ để giao trả lại cho UBND xã diện tích đất công, Xét thấy yêu cầu này của UBND xã P là hoàn toàn có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với phần diện tích Công ty TNHH L lấn chiếm một phần đất của vợ chồng ông L, bà T, trong quá trình thụ lý giải quyết ông L, bà T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này, mà để tự hai bên thương lượng với nhau, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với phần đất mà ông T, Bà H lấn chiếm đất của công ty TNHH L, phía Công ty TNHH L không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử cũng không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí và lệ phí tố tụng:

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T hoàn toàn có căn cứ, nên bà T không phải chịu án phí, số tiền tạm ứng án phí của bà T đã tạm nộp sẽ hoàn trả lại cho bà T. Bị đơn công ty TNHH L phải giao trả lại cho nguyên đơn diện tích đất là

204,2 m². Giá trị diện tích đất là 204,2 m² x 3000.000đ/m² = 612.600.000đ. Như vậy số tiền án phí Công ty TNHH L phải chịu là 20.000.000đ + 4% phần vượt mức 400.000.000đ là 212.600.000đ x 4% = 8.504.000đ. Tổng cộng là 28.504.000đ.

Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí xác minh, thẩm định tại chỗ, chi phí thẩm định giá là 44.253.000đ. Số tiền chi phí này bà T đã tạm nộp trước. Do yêu cầu khởi kiện của bà T là hoàn có căn cứ, nên Công ty TNHH L phải trả lại cho bà T số tiền trên. Đối với khoản tiền chi phí đo vẽ do bị đơn tạm nộp để đo vẽ lại, nhưng do yêu cầu đo vẽ lại của bị đơn không có căn cứ, bị đơn phải tự chịu chi phí này.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh T và yêu cầu độc lập của UBND xã P, buộc bị đơn công ty TNHH L phải tháo dỡ căn nhà làm việc, công trình phụ và giao trả lại cho bà Nguyễn Thị Ánh T diện tích đất lấn chiếm là 204,2 m² và giao trả lại cho UBND xã P quản lý 121,5 m². (Có họa đồ trích đo kèm theo).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Ánh T. bà Nguyễn Thị Ánh T có trách nhiệm hỗ trợ cho Công ty TNHH L số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người phải thi hành án*) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc công ty TNHH L phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Ánh T số tiền chi phí xác minh, thẩm định là 44.253.000đ.

3. Về án phí: T thuộc diện người cao tuổi, nên không phải chịu án phí. Bị đơn công ty TNHH L phải nộp là 28.504.000đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/6/2022), riêng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền

kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án để yêu cầu tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đam Rông;
- CC THADS huyện Đam Rông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Rung K' Nhon